

Số: 39/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 11 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh vốn một số danh mục thuộc kế hoạch đầu tư công
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về điều chỉnh vốn một số danh mục thuộc kế hoạch đầu tư công
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BKTNS
ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Điều chỉnh vốn một số danh mục thuộc kế hoạch đầu tư công
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các sở, ban, ngành, địa phương
với tổng kế hoạch điều chỉnh là 339.247 triệu đồng, gồm: tăng kế hoạch vốn 12
dự án và 02 huyện, giảm kế hoạch vốn 13 dự án (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị
quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại
biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng,;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, tvkiem.

CHỦ TỊCH




Mai Văn Huỳnh

Phụ lục

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng			Giảm
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết				
1	2	3	4	5	6	7	8 = 9+10+11	9	10	11	12 = 13+14+15	13	14	15	16=12-8	17=12-8	19	20
	TỔNG SỐ (A+B)				5,703,299	5,281,774	985,290	238,847	411,400	335,043	985,290	238,847	411,400	335,043	339,247	-339,247	147,280	
A	VỐN BỔ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				5,703,299	5,281,774	905,200	217,000	411,400	276,800	852,810	203,118	411,400	238,292	286,857	-339,247	14,800	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				345,012	300,998	12,000	12,000	0	0	13,281	13,281	0	0	2,603	-1,322	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				95,012	50,998	7,000	7,000	0	0	9,603	9,603	0	0	2,603	0	0	
1	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	Số 376/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14,998	14,998	5,000	5,000			5,403	5,403			403			thanh toán quyết toán - Đề nghị bổ sung vốn tại số 516/BC-SNNPTNT, 25/10/2021;
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của sông Cái Lớn - Cái Bé, tỉnh Kiên Giang	Huyện Châu Thành, huyện An Biên	2017-2022	Số 2296/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017; 3221/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh	80,014	36,000	2,000	2,000			4,200	4,200			2,200			Thanh toán khối lượng - Đề nghị bổ sung vốn tại số 516/BC-SNNPTNT, 25/10/2021;
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				250,000	250,000	5,000	5,000	0	0	3,678	3,678	0	0	0	-1,322		
1	Chuẩn bị đầu tư - Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	Tỉnh Kiên Giang	2021-2025	Số 542/NQ-HĐND, 14/01/2021 của HĐND tỉnh	250,000	250,000	5,000	5,000			3,678	3,678				-1,322		Đề nghị bổ sung vốn tại số 516/BC-SNNPTNT, 25/10/2021;
II	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội				52,350	52,350	0	0	0	0	10,745	0	0	10,745	10,745	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				52,350	52,350	0	0	0	0	10,745	0	0	10,745	10,745	0	0	
1	Đầu tư mua sắm thiết bị nâng cao năng lực đào tạo cho các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2019-2021	Số 2487/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	35,000	35,000					9,225			9,225	9,225			Thanh toán khối lượng - Đề nghị bổ sung vốn tại số 2755/LĐTBXH-KHTC, 25/10/2021; 2841/LĐTBXH-KHTC, 02/11/2021;
2	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh	Huyện An Minh	2019-2020	Số 334/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	7,000	7,000					320			320	320			Thanh toán quyết toán - Đề nghị bổ sung vốn tại số 2755/LĐTBXH-KHTC, 25/10/2021; 2841/LĐTBXH-KHTC, 02/11/2021;

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết				
1	2	3	4	5	6	7	8 = 9+10+11	9	10	11	12 = 13+14+15	13	14	15	16=12-8	17=12-8	19	20
3	Nghĩa trang Liệt sĩ Cây Bàng	Xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	2019-2020	Số 339/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	10,350	10,350					1,200			1,200	1,200			Thanh toán quyết toán -Đề nghị bổ sung vốn tại 'số 2755/LĐTBXH-KHTC, 25/10/2021; 2841/LĐTBXH-KHTC, 02/11/2021;
III	Các Trường Cao đẳng				109,320	109,320	0	0	0	0	2,770	0	0	2,770	2,770	0	0	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				109,320	109,320	0	0	0	0	2,770	0	0	2,770	2,770	0	0	
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị.	Số 217 đường Chu văn An, thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 2266/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh	29,985	29,985					1,166			1,166	1,166			thanh toán chuẩn bị đầu tư - đề nghị tại 'số 489/TTr-CĐKG, 07/10/2021;
2	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị.	Đường Mạc Cửu và Tô Hiến Thành, thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 2267/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh	29,900	29,900					1,072			1,072	1,072			thanh toán chuẩn bị đầu tư - đề nghị tại 'số 489/TTr-CĐKG, 07/10/2021;
3	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	Phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2024	Số 2264/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh	49,435	49,435					532			532	532			thanh toán chuẩn bị đầu tư - đề nghị tại 'số 24/TTr-CĐN, 29/9/2021;
IV	Sở Nội vụ				4,014	4,014	2,000	2,000	0	0	3,600	3,600	0	0	1,600	0	0	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				4,014	4,014	2,000	2,000	0	0	3,600	3,600	0	0	1,600	0	0	
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	Phường An Hòa - thành phố Rạch Giá	2020-2022	Số 386/QĐ-SKHĐT, ngày 11/12/2020 của Sở KH&ĐT	4,014	4,014	2,000	2,000			3,600	3,600			1,600			Thanh toán khối lượng - số 1216/SNV-VP, 20/9/2021 của Sở Nội vụ.
V	Sở Tài nguyên và Môi trường				755,022	377,511	100,000	0	100,000	0	60,000	0	60,000	0	0	-40,000	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				755,022	377,511	100,000	0	100,000	0	60,000	0	60,000	0	0	-40,000	0	
	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Các huyện: Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Minh, An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Giang Thành; TP Rạch Giá.	2015-2022	Số 2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh	755,022	377,511	100,000		100,000		60,000		60,000			-40,000		đề nghị giám tại số 1517/STNMT-VP ngày 30/11/2021 của Sở TNMT;
VI	Sở Kế hoạch và Đầu tư				73,377	73,377	25,000	0	25,000	0	24,675	0	24,675	0	0	-325		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				73,377	73,377	25,000	0	25,000	0	24,675	0	24,675	0	0	-325		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết				
1	2	3	4	5	6	7	8 = 9+10+11	9	10	11	12 = 13+14+15	13	14	15	16=12-8	17=12-8	19	20
I	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	toàn tỉnh	2019-2021	Số 2272/QĐ-UBND, ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh	73,377	73,377	25,000		25,000		24,675		24,675			-325		
VII	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh				10,000	10,000	3,000	3,000	0	0	8,000	8,000	0	0	5,000	0	0	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				10,000	10,000	3,000	3,000	0	0	8,000	8,000	0	0	5,000	0	0	
1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	toàn tỉnh	2021-2023	Số 42//QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT	10,000	10,000	3,000	3,000			8,000	8,000			5,000			Thanh toán khối lượng - số 2411/TTr-BCH, 19/10/2021 của BCH QS tỉnh;
VIII	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tính hỗ trợ huyện đầu tư.				92,801	92,801	25,000	0	0	25,000	26,800	0	0	26,800	4,800	-3,000	14,800	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				92,801	92,801	25,000	0	0	25,000	26,800	0	0	26,800	4,800	-3,000	14,800	
1	Trường Trung học cơ sở Dương Đông 3, thành phố Phú Quốc.	Thành phố Phú Quốc	2018-2022	Số 203/QĐ-BQLKKTTPQ, ngày 29/10/2018 của BQL Khu Kinh tế Phú Quốc	60,801	60,801	10,000			10,000	14,800			14,800	4,800		14,800	Thanh toán khối lượng - Số 335/TTr-UBND, 15/9/2021 của UBND TP PQ
2	Cầu Ngã Năm, thị trấn Gò Quao.	Huyện Gò Quao	2020-2021	Số 2509/QĐ-UBND, 31/10/2019	32,000	32,000	15,000			15,000	12,000			12,000		-3,000	12,000	số 98/TTr-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện GQ.
IX	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang				16,494	16,494	12,000	0	0	12,000	7,000	0	0	7,000	0	-5,000	0	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				16,494	16,494	12,000	0	0	12,000	7,000	0	0	7,000	0	-5,000	0	
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2020-2022	Số 3126/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh	16,494	16,494	12,000			12,000	7,000			7,000		-5,000		số 84/BC-PTTH, 25/10/2021 của Đài PTTH KG;
X	Sở Giao thông vận tải				4,244,909	4,244,909	726,200	200,000	286,400	239,800	695,939	178,237	326,725	190,977	259,339	-289,600	0	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				4,244,909	4,244,909	726,200	200,000	286,400	239,800	695,939	178,237	326,725	190,977	259,339	-289,600	0	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng.	Huyện U Minh Thượng	2019-2022	Số 2511/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	125,000	125,000	30,000			30,000	20,000			20,000		-10,000		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xé cầu; huyện An Biên, An Minh	Các huyện: An Biên, An Minh	2019-2021	Số 2689/QĐ-UBND, ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh	63,307	63,307	26,000			26,000	18,000			18,000		-8,000		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
3	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Huyện Hòn Đất	2019-2022	Số 2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	79,543	79,543	25,000			25,000	7,000			7,000		-18,000		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết				
1	2	3	4	5	6	7	8 = 9+10+11	9	10	11	12 = 13+14+15	13	14	15	16=12-8	17=12-8	19	20
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2023	Số 2233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh	409,993	409,993	37,500		37,500		19,800		19,800			-17,700		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
5	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2023	2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	952,960	952,960	138,000			138,000	125,000			125,000		-13,000		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
6	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)	Huyện Giồng Riềng	2018-2021	Số 2411/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018; số 697/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh	133,759	133,759	28,100		28,100		12,000		12,000			-16,100		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)	Huyện Châu Thành và thành phố Rạch Giá	2019-2023	Số 2512/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	150,000	150,000	20,800			20,800	14,000			14,000		-6,800		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành	2019-2023	Số 2070/QĐ-UBND, ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh	1,410,719	1,410,719	200,000	200,000			0	0				-200,000		số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Thành phố Phú Quốc	2019-2023	Số 1752/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019; 2803/QĐ-UBND, 10/12/2019 của UBND tỉnh	919,628	919,628	220,800		220,800		480,139	178,237	294,925	6,977	259,339			Thanh toán bồi thường GPMB và thanh toán khối lượng. - 'số 917/BC-SGTVT, ngày 29/10/2021 của Sở GTVT;
B	VỐN PHÂN BỐ THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ				0	0	80,090	21,847	0	58,243	132,480	35,729	0	96,751	52,390	0	132,480	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	80,090	21,847	0	58,243	132,480	35,729	0	96,751	52,390	0	132,480	
1	Huyện Tân Hiệp						40,141	10,950		29,191	45,546	12,132		33,414	5,405		45,546	Thanh toán khối lượng hoàn thành - số 151/TT-UBND, 15/10/2021 của UBND huyện Tân Hiệp.
2	Huyện An Biên						39,949	10,897		29,052	86,934	23,597		63,337	46,985		86,934	Thanh toán khối lượng hoàn thành - số 232/BC-UBND, 07/10/2021 của UBND huyện An Biên.